| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN Ô**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, TP CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Văn Mẫn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Minh Thi

2. Bà Ngô Thị Út Hậu

***- Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Anh Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, về việc "*tranh chấp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu vực Thới H1, phường Long H, quận Ô, thành phố CT. Có mặt

*2. Bị đơn:*

- Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972. Vắng mặt

- Ông Trần văn T, sinh năm 1966. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 373/5 khu vực Thới H1, phường Long H, quận Ô, thành phố CT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị K trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2019, bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T có làm chủ hụi, do là người hàng xóm nên bà có tham gia 02 chưng hụi gồm:

01 chưng hụi 2.000.000 đồng/1 tháng, khui ngày 25/9/2019 AL (có 12 hụi viên), dây này bà hốt chót, số tiền 24.000.000 đồng

01 chưng hụi 2.000.000 đồng/1 tháng, khui ngày 30/9/2019 AL (có 22 hụi viên), dây này bà hốt chót, số tiền 44.000.000 đồng

Tổng cộng hai dây hụi là 68.000.000 đồng. Bà K đã nhiều lần yêu cầu ông Tính và bà U trả số tiền hụi cho bà, qua đó ông Tính bà U trả được 7.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 61.000.000 đồng.

Do quyền lợi của bà bị xâm phạm nên bà làm đơn đến chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết, ông T và bà U đã thừa nhận còn nợ bà K số tiền là 58.000.000 đồng nH xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi trả tất số nợ, bà K không đồng ý. Vì vậy, nay bà K yêu cầu ông T bà U trả đủ cho bà số nợ trên. Tuy nhiên, do bà U và ông T vắng mặt tại phiên tòa và để tranh mất thời gian, nay bà K chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền bị đơn thừa nhận là 58.000.000 đồng. Bà K không yêu cầu bà U và ông T phải chịu lãi suất chậm trả, kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T: Bà Trần Thị K có tham gia tham gia 3 dây hụi do vợ chồng bà U làm chủ. Do bể hụi nên vợ chồng bà còn thiếu lại bà K số tiền 65.000.000đồng. Số tiền này trước đây bà K đồng ý cho vợ chồng bà trả dần hàng tháng mỗi tháng 500.000đồng. Vợ chồng bà U đã trả cho bà K được 14 tháng 7.000.000 đồng nên còn lại 58.000.000 đồng. Mặc dù vợ chồng bà U đã thực hiện đúng theo thoả thuận giữa đôi bên, không ngưng trả tháng nào nH không hiểu vì sao bà K lại khởi kiện vợ chồng bà đến Toà án nhân dân quận Ô yêu cầu vợ chồng bà U phải trả cho bà một lần tổng cộng là 61.000.000đồng thay vì 58.000.000 đồng. Đồng thời, nay, bà U ông T không có khả năng trả số nợ trên một lần, vì vậy xin được trả dần.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và K quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị K khởi kiện có nội dung đòi tiền hụi đối với bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T, do vậy quan hệ pháp luật được xác định "tranh chấp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa lần hai không lý do, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ các lần theo quy định chung của pháp luật. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị K yêu cầu bà U và ông T phải hoàn trả số tiền hụi mà bà U đã xác nhận nợ với bà U tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 02 tháng 3 năm 2023 là 58.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận vào năm 2019, các bên có giao dịch tham gia chơi hụi với nhau, bà U, ông T là chủ hụi, bà K là thành viên tham gia. Tuy nhiên, theo lời khai của bà K thì bà chỉ tham gia chơi hai cH hụi, nH về phía bà U, ông T thì khai nhận bà K tham gia tới 3 dây hụi, lẽ ra cần đối chất làm rõ, nH xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bên bị đơn không hợp tác, thiện chí đến tòa để đôi bên hòa giải với nhau nên không thể tiến hành đối chất chất được, đồng thời xét thấy theo biên bản hòa giải cơ

sở, bản tự khai của ông T và bà U, biên bản hòa giải tại tòa, bà U, ông T đều thừa nhận còn nợ bà K 58.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Việc bà U và ông T cho rằng bà K đồng ý cho bị đơn trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, điều này bà K không thừa nhận, nH bên bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền hụi 58.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không áp dụng lãi suất chậm trả đối với bị đơn trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 2.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị định 19/ 2019/NĐ-CP ngày 05/4/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Buộc bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T phải thanh toán cho bà Trần Thị K số tiền là: 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không áp dụng lãi suất chậm trả đối với bị đơn trong giai đoạn thi hành án đối với số nợ trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U và ông Trần Văn T có nghĩa vụ nộp 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. CT;
- VKSND TP. CT;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THA Q. Ô;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

**Trần Văn Mẫn**